



Ký bởi: Hội đồng nhân
dân tỉnh Điện Biên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2026/NQ-HĐND

Điện Biên, ngày 16 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Điện Biên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm
2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các
điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi
hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-
CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của
Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban
hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐCP ngày 01
tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn
bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân
sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ
Trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số
40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy
định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của
Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy
định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 199/TTr-TTHĐND ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Thường
trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về chế độ, chính
sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Điện
Biên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh số*

113/BC-BKTNS ngày 14 tháng 7 năm 2026; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Điện Biên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Điện Biên.

2. Đối tượng áp dụng

Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân tham gia hoạt động của Hội đồng nhân dân.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân được thanh toán tiền công tác phí, các khoản chi khác theo quy định tại Nghị quyết này từ nguồn kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân, do Hội đồng nhân dân cấp triệu tập, mời chi trả. Các chế độ chi khác cho đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động không chuyên trách do cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi đại biểu đang công tác chi trả theo quy định.

3. Các chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 về quy định chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân và các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp

Chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện theo quy định của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách địa phương hàng năm theo phân cấp.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan tổ chức, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2026 và thay thế Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Quy định chế độ, chính sách, mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Điện Biên.

2. Trường hợp văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì được áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên khoá XVI, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và Tổ chức THPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh; LĐ UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Điện Biên;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh Điện Biên;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang TTĐT tổng hợp Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lê Thành Đô

Phụ lục
CHẾ ĐỘ CHĂM SẠCH VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP TỈNH ĐIỆN BIÊN
áp dụng kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-HĐND)



STT	Nội dung	Đơn vị tính	HĐND tỉnh	HĐND cấp xã
I	Kỳ họp HĐND			
1	Chi bồi dưỡng kỳ họp của HĐND			
-	Đại biểu HĐND, thành phần mời dự kỳ họp	đồng/người/buổi	150.000	100.000
-	Chủ tọa kỳ họp	đồng/người/buổi	300.000	200.000
-	Nhân viên phục vụ	đồng/người/buổi	100.000	70.000
2	Chế độ ăn, nghỉ			
	Đại biểu mời, triệu tập được BTC bố trí ăn khi đăng ký; Đại biểu mời, triệu tập ở xa trên 10km được BTC bố trí nghỉ khi đăng ký. Trường hợp các đại biểu không đăng ký ăn, nghỉ không được thanh toán bằng tiền.			
-	Chi hỗ trợ tiền ăn cho các đại biểu mời và đại biểu HĐND dự kỳ họp	đồng/người/ngày	300.000	200.000
-	Chi hỗ trợ tiền nghỉ cho các đại biểu mời và đại biểu HĐND dự kỳ họp	đồng/người/ngày	Mức chi tiền phòng nghỉ thực hiện theo khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
3	Chi công tác xây dựng, thẩm tra Báo cáo, Đề án và dự thảo Nghị quyết cá biệt			
3.1	Xây dựng dự thảo Nghị quyết do Thường trực HĐND trình tại kỳ họp			
-	Đối với dự thảo Nghị quyết được xây dựng mới, thay thế	đồng/nghị quyết	2.000.000	1.500.000
-	Đối với dự thảo Nghị quyết được xây dựng sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh, bãi bỏ	đồng/nghị quyết	1.500.000	1.000.000
3.2	Chi cho các Ban chủ trì thẩm tra Báo cáo, Đề án và dự thảo Nghị quyết			
-	Đối với Báo cáo, Đề án, dự thảo Nghị quyết được xây dựng mới, thay thế	đồng/báo cáo thẩm tra	2.000.000	1.500.000
-	Đối với Báo cáo, Đề án, dự thảo	đồng/báo cáo	1.500.000	1.000.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	HĐND tỉnh	HĐND cấp xã
	Nghị quyết được xây dựng sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh, bãi bỏ	thăm tra		
3.3	Chi cho các Ban phối hợp thăm tra Báo cáo, Đề án và dự thảo Nghị quyết			
-	Đối với Báo cáo, Đề án, dự thảo Nghị quyết được xây dựng mới, thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh, bãi bỏ	đồng/báo cáo thăm tra	750.000	500.000
3.4	Báo cáo tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện Nghị quyết trước khi trình HĐND biểu quyết (Nghị quyết do Thường trực HĐND trình)	đồng/báo cáo thăm tra	700.000	500.000
4	Thảo luận của các Tổ đại biểu HĐND tại kỳ họp			
	Báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận của các Tổ đại biểu HĐND tại kỳ họp	đồng/báo cáo	500.000	350.000
5	Xây dựng báo cáo, văn bản của kỳ họp			
-	Biên bản kỳ họp	đồng/văn bản	1.000.000	700.000
-	Đề cương Báo cáo kết quả kỳ họp phục vụ đại biểu tiếp xúc cử tri	đồng/văn bản	500.000	350.000
-	Báo cáo đánh giá kết quả kỳ họp	đồng/văn bản	500.000	350.000
II	Chi công tác thăm tra tham mưu xử lý phát sinh giữa hai kỳ họp			
-	Chi cho hoạt động thăm tra các văn bản do cơ quan có thẩm quyền trình Thường trực Hội đồng nhân dân giữa hai kỳ họp	đồng/báo cáo	1.000.000	700.000
III	Hội nghị của Thường trực HĐND			
1	Chi bồi dưỡng hội nghị của Thường trực HĐND			
-	Đại biểu HĐND, thành phần mời dự hội nghị	đồng/người/buổi	150.000	100.000
-	Chủ tọa hội nghị	đồng/người/buổi	300.000	200.000
-	Nhân viên phục vụ	đồng/người/buổi	100.000	70.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	HĐND tỉnh	HĐND cấp xã
-	Báo cáo kết quả, thông báo kết luận hội nghị	đồng/văn bản	1.000.000	700.000
-	Chi xây dựng Báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ, tổng kết nhiệm kỳ của Thường trực HĐND, các Ban HĐND	đồng/văn bản	1.000.000	700.000
2	Viết bài tham luận theo yêu cầu Thường trực HĐND			
-	Viết bài, tham luận phục vụ hoạt động của HĐND.	đồng/bài	500.000	300.000
-	Viết bài tham luận cấp khu vực; Bộ, ngành Trung ương (nếu có)	đồng/bài	1.500.000	
-	Viết bài tham luận hai cấp tỉnh - xã	đồng/bài	1.000.000	700.000
3	Chế độ ăn, nghỉ			
	Đại biểu mời BTC bố trí ăn khi đăng ký; Đại biểu mời ở xa trên 10km được BTC bố trí nghỉ khi đăng ký. Trường hợp các đại biểu không đăng ký ăn, nghỉ không được thanh toán bằng tiền.			
-	Chi hỗ trợ tiền ăn cho các đại biểu mời và đại biểu HĐND dự hội nghị	đồng/người/ngày	300.000	200.000
-	Chi hỗ trợ tiền nghỉ cho các đại biểu mời và đại biểu HĐND dự hội nghị	đồng/người/ngày	Mức chi tiền phòng nghỉ thực hiện theo khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND.	
IV	Hoạt động giám sát, khảo sát			
1	Chi xây dựng văn bản giám sát, khảo sát			
-	Xây dựng Nghị quyết, quyết định thành lập đoàn, kế hoạch, đề cương giám sát	đồng/cuộc	1.000.000	700.000
-	Nghiên cứu xây dựng Báo cáo kết quả giám sát	đồng/cuộc	1.500.000	1.000.000
-	Xây dựng kế hoạch, quyết định thành lập đoàn khảo sát, đề cương khảo sát;	đồng/cuộc	700.000	500.000
-	Báo cáo kết quả khảo sát	đồng/cuộc	700.000	500.000
2	Chi bồi dưỡng giám sát, khảo sát			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	HĐND tỉnh	HĐND cấp xã
-	Trưởng đoàn, Phó đoàn	đồng/người/ buổi	200.000	150.000
-	Đại biểu HĐND, thành viên chính thức đoàn giám sát, khảo sát	đồng/người/ buổi	150.000	100.000
-	Nhân viên phục vụ (Phóng viên, lái xe)	đồng/người/ buổi	100.000	70.000
3	Chi hoạt động chất vấn, giải trình tại Phiên họp của Thường trực HĐND			
-	xây dựng kế hoạch phiên giải trình, chất vấn	đồng/văn bản	500.000	350.000
-	Xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả giải trình, chất vấn	đồng/văn bản	500.000	350.000
-	Xây dựng Nghị quyết hoặc kết luận phiên chất vấn, giải trình	đồng/văn bản	500.000	350.000
V	Hoạt động tiếp xúc cử tri			
1	Chi hỗ trợ điểm tiếp xúc cử tri (trường hợp có sự phối hợp TXCT hai cấp tại một điểm thì hỗ trợ mức chi cao nhất (chỉ áp dụng cho các tổ đại biểu tiếp xúc cử tri theo chương trình phối hợp với UBMT TQ Việt Nam các cấp))	đồng/điểm	3.000.000	1.500.000
2	Chi bồi dưỡng			
-	Đại biểu HĐND, đại diện UB MTTQ chủ trì hội nghị TXCT	đồng/người/ buổi	150.000	100.000
-	Nhân viên phục vụ	đồng/người/ buổi	100.000	70.000
3	Báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri			
-	Báo cáo của Tổ đại biểu	đồng/báo cáo	200.000	150.000
-	Báo cáo tổng hợp kết quả tiếp xúc cử tri của Thường trực HĐND.	đồng/báo cáo	500.000	350.000
4	Chi hỗ trợ tiếp xúc cử tri thường xuyên cho các đại biểu HĐND	đồng/tháng	300.000	200.000
VI	Chi hỗ trợ nghiên cứu tài liệu phục vụ hoạt động của HĐND	đồng/người/ tháng	300.000	200.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	HĐND tỉnh	HĐND cấp xã
	của Đại biểu HĐND			
VII	Mỗi nhiệm kỳ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được trang cấp 01 máy tính xách tay hoặc 01 máy tính bảng phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số trong hoạt động của Hội đồng nhân dân (trường hợp đại biểu HĐND được tái cử mà thiết bị đã được trang bị ở nhiệm kỳ trước còn thời gian sử dụng, bảo đảm chất lượng và đáp ứng yêu cầu công tác thì không trang bị thêm; chỉ thực hiện trang bị thay thế khi thiết bị hết thời gian khấu hao hoặc không còn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo quy định).	Máy tính xách tay hoặc máy tính bảng/ đại biểu	25.000.000	
VIII	Mỗi nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân được trang bị 01 cặp đựng tài liệu phục vụ hoạt động của đại biểu.	Cặp tài liệu/ đại biểu	3.000.000	2.000.000
IX	Chi hỗ trợ may lễ phục			
1	Mỗi nhiệm kỳ đại biểu HĐND được hỗ trợ 01 bộ (đại biểu tham gia HĐND 2 cấp thì được thanh toán ở một cấp cao hơn)	đồng/người/bộ	5.000.000	5.000.000
2	Mỗi nhiệm kỳ công chức, người lao động Văn phòng phục vụ trực tiếp được hỗ trợ 01 bộ	đồng/người/ bộ	5.000.000	5.000.000
X	Chi hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ đại biểu HĐND (đại biểu HĐND tham gia 2 cấp thì được thanh toán một cấp có mức chi cao hơn; riêng năm chuyển giao nhiệm kỳ đại biểu HĐND không tái cử được hỗ trợ 50% mức này)	đồng/người/năm	2.500.000	1.500.000
XI	Kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động văn hóa, thể thao các ngày lễ trong năm	Tổng kinh phí được cấp	0,3%	0,3%
XII	Chi hỗ trợ thông tin			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	HĐND tỉnh	HĐND cấp xã
	Các đại biểu HĐND được cung cấp báo chí, khai thác Internet theo hình thức khoán (<i>trường hợp đại biểu tham gia HĐND 2 cấp thì được hưởng một mức hỗ trợ của cấp có mức chi cao hơn</i>)	đồng/đại biểu/tháng	350.000	250.000
XIII	Thăm hỏi đại biểu và thân nhân của đại biểu HĐND; chi công tác xã hội			
1	Đại biểu HĐND			
-	Ôm phải điều trị nội trú tại bệnh viện, khi Thường trực HĐND đến thăm (<i>1 năm không quá 2 lần</i>)	đồng/người	1.000.000	700.000
-	Mắc bệnh hiểm nghèo (<i>1 năm không quá 2 lần</i>)	đồng/người	2.000.000	1.500.000
-	Từ trần (<i>Đại biểu nguyên chức và đương chức</i>)	đồng/người	1.500.000	1.000.000
2	Thân nhân của đại biểu HĐND từ trần			
-	Bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng), con.	đồng/người	1.000.000	700.000
3	Tặng quà đối với các đối tượng chính sách; tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu và lao động, công tác; có đóng góp đối với hoạt động của HĐND; các tập thể thuộc diện chính sách - xã hội (trại điều dưỡng, Làng trẻ SOS, Trung tâm Bảo trợ xã hội, Trường Dân tộc nội trú, Đoàn Biên Phòng); tập thể, cá nhân gặp thiên tai, hỏa hoạn...			
-	Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND tặng quà cho tập thể mức cao nhất không quá	đồng/lần	3.000.000	2.000.000
-	Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND tặng quà cho cá nhân mức cao nhất không quá	đồng /lần	2.000.000	1.000.000
-	Ủy viên Thường trực HĐND tặng quà cho tập thể mức cao nhất không quá	đồng/lần	2.000.000	1.500.000
-	Ủy viên Thường trực HĐND tặng quà cho cá nhân mức cao nhất không quá	đồng /lần	1.000.000	700.000
-	Tặng quà cho đại biểu HĐND	đồng	2.000.000	1.500.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	HĐND tỉnh	HĐND cấp xã
	khi kết thúc nhiệm kỳ, chuyển vùng, nghỉ chế độ.	/người/nhiệm kỳ		
